

Bản án số 150/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 9 - 2025
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Việt Hưng

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 127/2025/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: t 02, xã QL, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Hoàng Thoại, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: ấp BB, xã LTT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Hoàng Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh T chung sống năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Giang (nay là xã Quyền Lưu), tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống đến tháng 01/2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không còn sống chung tháng 01/2025. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Trần Gia H1, sinh ngày 08/5/2015 và Trần Tú L, sinh ngày 24/11/2023 hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 người con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Đối với anh Trần Hoàng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Trần Hoàng T là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2015, chị H với anh T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh T được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị H xác định quá trình chung đến tháng 01/2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không còn sống chung tháng 01/2025. Tuy nhiên, anh T không có ý kiến. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H với anh T đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Đồng thời, mâu thuẫn đó đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài, và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu H1 đã hơn 10 tuổi và cháu L đã hơn 24 tháng tuổi hiện đang sống cùng chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi 02 người con, không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy nhiên, anh T không có ý kiến. Xét thấy: Theo nguyện vọng của cháu H1 thể hiện, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Còn cháu L đang sống ổn định với chị H, có điều kiện phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Mặt khác, hiện chị H có công việc tạo nguồn thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và điều kiện học của các cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về con chung.

[6] Xét tài sản chung và các vấn đề khác: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng anh T không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hoàng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Trần Hoàng T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Gia H1, sinh ngày 08/5/2015 và Trần Tú L, sinh ngày 24/11/2023 cho chị Hoàng Thị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Hoàng T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012043 ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau; chị Hoàng Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Quỳnh Lưu, T. Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh